

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày: 22/4/2024

(V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Mai Quốc Bảo

2/. Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/4/2024 và ngày 22/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 200/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023, quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 74/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 và thông báo mở lại phiên tòa số: 16/2024/TB-TA ngày 05/3/2024 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C3.

Địa chỉ: Số A, đường T, phường C, quận H, Tp .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bình M; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy H; Chức vụ: Phó phòng phụ trách Phòng G - Ngân hàng TMCP C3 - Chi nhánh B1.

Địa chỉ: Số I, ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Đồng bị đơn:

2.1/. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1971.

2.2/. Bà Dương Lệ H1, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/. Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1991.

3.2/. Chị Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.3/. Ông Phan Văn K, sinh năm 1971.

3.4/. Bà Lê Hồng C, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.5/. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1936.

3.6/. Bà Phan Thị T, sinh năm 1949.

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.7/. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K1: Bà Lương Ngọc M1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.8/. Bà Lương Ngọc M1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông H, bà M1 có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án. Các đương sự khác vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2022 và các biên bản lấy lời khai, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C3 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Trước đây vào ngày 12/8/2013, vợ chồng ông D và bà H1 có ký hợp đồng tín dụng số: 40.13.003/2013-HĐTD/NHCT862 với Ngân hàng để vay số tiền là 100.000.000 đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn trồng lúa và sửa chữa nhà, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày vay vốn với lãi suất trong hạn là 12%/năm và lãi suất chậm trả đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất trong hạn khi chuyển qua nợ quá hạn.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay trên, ông D và bà H1 có thể chấp cho Ngân hàng một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: AO 038233 diện tích

10.490,6m². Phần đất trên thuộc thửa 715 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Theo hợp đồng thế chấp số: 40.13.003/2013-HĐTC/NHCT 862 ngày 12/8/2013. Do ông D và bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay trên qua nợ quá hạn. Tính đến nay ông D và bà H1 còn thiếu nợ Ngân hàng tổng số tiền là 252.603.824 đồng (Trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 102.087.500 đồng và lãi quá hạn là 50.516.324 đồng (Tạm tính đến ngày 22/9/2023).

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc D và bà Dương Lệ H1 cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền là 252.603.824 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng. Nếu không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán phát mãi tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Đối với đồng bị đơn ông Nguyễn Ngọc D và bà Dương Lệ H1: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông D và bà H1 nhưng ông D và bà H1 không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến trình bày của mình, cũng như không có văn bản phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Tấn L và chị Nguyễn Thị Ngọc H2 đã được Tòa án cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh L và chị H2 không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với các đương sự nêu trên theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H3 (Mười Hồng) trình bày: Trước đây vào ngày 18/02/2013 (âm lịch), ông có giao dịch cầm cố đất với vợ chồng ông D và bà H1 phần đất có diện tích 07 công tầm cây với số tiền là 200.000.000 đồng (ông giao tiền cho ông D và bà H1 làm hai lần, mỗi lần 100.000.000 đồng) với thời hạn là 04 năm thì ông D và bà H1 sẽ chuộc lại phần đất trên, nếu không chuộc thì ông sẽ tiếp tục canh tác trên phần đất này. Khi tới thời hạn chuộc lại phần đất trên thì ông D và bà H1 không chuộc nên ông có cố phần diện tích đất trên lại cho ông Nguyễn Văn K1 ở cùng địa phương với ông cũng với số tiền là 200.000.000 đồng nên hiện nay ông K1 đang quản lý, sử dụng và canh tác trên phần đất này. Nay ông yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng cầm cố đất có tiêu đề “giấy cố đất ruộng” đề ngày 18/02/2013 (âm lịch) giữa ông với vợ chồng ông D và bà H1. Buộc ông D và bà H1 trả cho ông số tiền là 200.000.000 đồng. Ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

Theo ông H3 xác định: Do sau khi làm giấy cầm cố đất ngày 18/02/2013 (âm lịch), xong thì ông D và bà H1 còn hơn 01 công đất tầm cây nằm ngoài diện tích đất mà ông cầm cố của ông D và bà H1 nên vợ chồng ông D, bà H1 có kêu cho ông mượn luôn phần

đất này mà ông không đồng ý nhưng đã viết vào trong giấy cố đất rồi nên để luôn chứ thật ra ông không có thuê mượn phần diện tích đất nào của ông **D** và bà **H1** cả.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lương Ngọc M1** cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông **Nguyễn Văn K1** trình bày: Trước đây vào ngày 10/5/2018 (âm lịch), vợ chồng bà có giao dịch cầm cố đất với ông **H3** phần đất có diện tích 07 công tầm cây với số tiền là 200.000.000 đồng với thời hạn chuộc là 01 năm trở lên nếu không chuộc thì vợ chồng bà sẽ tiếp tục canh tác trên phần đất này. Phần diện tích đất vợ chồng bà cầm cố của ông **H3** là phần diện tích đất mà ông **H3** nhận cầm cố của ông **D** và bà **H1** trước đây nhưng do ông **H3** đã lớn tuổi nên ông **H3** mới cố lại cho vợ chồng bà với số tiền là 200.000.000 đồng. Nay vợ chồng bà biết được phần diện tích đất cố này hiện nay vợ chồng ông **D** và bà **H1** đã thế chấp để vay tiền của Ngân hàng nên nay bà yêu cầu vô hiệu hợp đồng cầm cố đất đề ngày 10/5/2018 (âm lịch) giữa vợ chồng bà với ông **H3**. Buộc **Nguyễn Văn H3** có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà số tiền là 200.000.000 đồng. Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lê Hồng C** trình bày: Trước đây vào ngày 25/10/2013 (âm lịch), bà có nhận chuyển nhượng phần đất của vợ chồng ông **D** và bà **H1** phần đất có diện tích 01 công 03 tầm cây với số tiền là 55.000.000 đồng. Bà đã giao số tiền trên cho vợ chồng ông **D** và bà **H1** làm 02 lần cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào ngày 25/10/2013, bà giao số tiền 10.000.000 đồng và lần thứ hai vào ngày 27/10/2013, bà giao số tiền là 30.000.000 đồng cho vợ chồng ông **D** và bà **H1**. Sau đó, hai bên thỏa thuận số tiền còn lại khi nào làm giấy tờ đất với nhau xong thì bà sẽ giao đủ số tiền còn lại cho ông **D** và bà **H1**. Khi nhận chuyển nhượng phần đất trên giữa bà với vợ chồng ông **D** và bà **H1** có tiến hành đo đạc phần diện tích đất chuyển nhượng và làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất (viết tay) với nhau nên bà là người quản lý, sử dụng và canh tác trên phần đất này từ đó cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tiêu đề “giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đề ngày 25/10/2013 (âm lịch) giữa bà với vợ chồng ông **D** và bà **H1**. Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà thì bà không yêu cầu Tòa án xem xét đến hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông **D** và bà **H1**. Khi nào quyền lợi của bà bị xâm phạm thì bà sẽ khởi kiện ông **D** và bà **H1** thành một vụ kiện độc lập khác.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phan Văn K** trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà **Lê Hồng C** nên ông không có ý kiến gì trình bày bổ sung thêm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông **D** và bà **H1**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lương Ngọc M1** xác định: Phần diện tích đất bà nhận cầm cố của ông **Nguyễn Văn H3** trước đây hiện nay bà đang cho bà **Lương Thanh T1** thuê hàng năm để canh tác trên phần đất này, còn phần diện tích đất mà bà **C**

nhận chuyển nhượng của ông **D** và bà **H1** thì hiện nay theo bà được biết thì bà **C** đang cho ông **Nguyễn Hồng C1** người cùng địa phương thuê lại để canh tác trên phần đất này hiện nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đưa bà **Lương Thanh T1** và ông **Nguyễn Hồng C1** vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị Tòa án thực hiện theo yêu cầu xác minh số: 05/YC-VKS-DS ngày 21/3/2024. Tuy nhiên, đến hôm nay Tòa án đã giao các biên bản ghi lời khai của bà **T1** và ông **C1** thể hiện bà **T1** và ông **C1** không còn liên quan gì đến phần đất thế chấp. Do đó, đại diện Viện kiểm sát chỉ đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để thu thập theo yêu cầu xác minh số: 05/YC-VKS-DS ngày 21/3/2024. Tuy nhiên, Tòa án không chấp nhận nên đại diện Viện kiểm sát xét thấy không có cơ sở để phát biểu nội dung giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông **Nguyễn Ngọc D** và bà **Dương Lệ H1**, đồng bị đơn ông **D** và bà **H1** có cùng địa chỉ cư trú tại **huyện P, tỉnh Bạc Liêu**; Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, ông **Nguyễn Ngọc D** và bà **Dương Lệ H1** là đồng bị đơn, anh **Nguyễn Tấn L**, chị **Nguyễn Thị Ngọc H2** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông **D**, bà **H1**, anh **L** và chị **H2** vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông **D**, bà **H1**, anh **L** và chị **H2** theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm của ông **Nguyễn Văn H3**, bà **Phan Thị T**, ông **Phan Văn K** và bà **Lê Hồng C**. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông **H3**, bà **T**, ông **K** và bà **C** theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP C3** về việc yêu cầu buộc ông **Nguyễn Ngọc D** và bà **Dương Lệ H1** cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số: 40.13.003/2013-HĐTD/NHCT862 và giấy nhận nợ đề ngày 14/8/2013 với tổng số tiền là 252.603.824 đồng. Trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 102.087.500 đồng và lãi quá hạn là 50.516.324 đồng (Tạm tính đến ngày 22/9/2023) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết trước đây cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông **D** và bà **H1** không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền bán phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ khi vay vốn cho đến nay ông **D** và bà **H1** không trả được cho Ngân hàng số tiền gốc và ngưng không đóng lãi từ ngày giải ngân cho đến nay nên ông **D** và bà **H1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng giữa các bên đã ký kết. Đến thời điểm hiện tại (tạm tính đến ngày 22/9/2023) Ngân hàng yêu cầu ông **Nguyễn Ngọc D** và bà **Dương Lệ H1** cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 252.603.824 đồng. Trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 102.087.500 đồng và lãi quá hạn là 50.516.324 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông **D** và bà **H1**. Nhưng ông **D** và bà **H1** không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Từ đó, cho thấy ông **D** và bà **H1** đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông **D** và bà **H1** thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền 252.603.824 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu sáu trăm lẻ ba nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng) là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

[4] Để bảo đảm cho khoản vay trên theo hợp đồng tín dụng số: 40.13.003/2013-HĐTD/NHCT862 và giấy nhận nợ đề ngày 14/8/2013, ông **D** và bà **H1** đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 40.13.003/2013-HĐTC/NHCT862 ngày 12/8/2013 với Ngân hàng. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 038233 có diện tích 10.490,6m². Phần đất trên thuộc thửa 715 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp **M**, xã **V**, huyện **P**, tỉnh **Bạc Liêu**. Do **UBND huyện P** cấp ngày 31/7/2009 cho hộ ông **Nguyễn Ngọc D** và bà **Dương Lệ H1** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Xét hợp đồng thế chấp tài sản: Để bảo đảm cho khoản vay trên ngày 12/8/2013, ông **D** và bà **H1** đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 40.13.003/2013-HĐTC/NHCT862 với Ngân hàng, việc Ngân hàng với ông **D** và bà **H1** ký kết hợp đồng thế chấp được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối, hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội và đã được công chứng, đăng ký giao

dịch bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Hợp đồng thế chấp giá trị quyền sử dụng đất là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 038233 có diện tích 10.490,6m². Phần đất trên thuộc thửa 715 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do UBND huyện P cấp ngày 31/7/2009 cho hộ ông Nguyễn Ngọc D và bà Dương Lệ H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, trong trường hợp ông D và bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 40.13.003/2013-HĐTC/NHCT862 ngày 12/8/2013 để thu hồi nợ cho Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay nhưng ông D và bà H1 không thực hiện đúng theo thỏa thuận giữa các bên với Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phù hợp theo quy định tại các Điều 295, 297, 298, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự 2015.

[7] Xét thấy mức lãi suất trong hạn, lãi quá hạn, các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp với Điều 91, Điều 95 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng năm 2017.

[8] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn H3 yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng cầm cố đất có tiêu đề “giấy cố đất ruộng” đề ngày 18/02/2013 (âm lịch) giữa ông với vợ chồng ông D và bà H1. Buộc ông D và bà H1 trả cho vợ chồng ông số tiền là 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thỏa thuận cầm cố đất giữa ông H3 với vợ chồng ông D và bà H1 là hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện. Tuy nhiên, việc thỏa thuận này không phù hợp theo quy định của pháp luật tại các Điều 166, 167 của Luật đất đai. Vì văn bản thỏa thuận (giấy cố đất ruộng) giữa các bên không được cơ quan có thẩm quyền nào xác nhận, việc giao dịch cầm cố đất này không được pháp luật thừa nhận. Hơn nữa, theo Điều 131 của Bộ luật Dân sự thì việc các bên xác lập hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất bị vô hiệu nên không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm xác lập, hai bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Từ đó, việc ông H3 yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng cầm cố đất có tiêu đề “giấy cố đất ruộng” đề ngày 18/02/2013 giữa ông H3 với ông D và bà H1 và yêu cầu ông D và bà H1 cùng có nghĩa vụ trả số tiền 200.000.000 đồng cho ông H3 và bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 407 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn K1 yêu cầu vô hiệu hợp đồng cầm cố đất có tiêu đề “giấy cố đất” đề ngày 10/5/2018 (âm lịch) giữa vợ chồng ông với ông H3. Buộc Nguyễn Văn H3 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền là 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi nhận cầm cố phần đất của ông D và bà H1 có diện tích 07 công tằm cấy với số tiền là 200.000.000 đồng, nhưng khi đến thời hạn chuộc lại phần đất trên thì ông D và bà H1 không chuộc nên ông H3 mới cố lại phần diện tích đất này cho

ông Nguyễn Văn K1 cũng với giá là 200.000.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng cầm cố đất giữa ông H3 với ông D và bà H1 bị vô hiệu nên dẫn đến hợp đồng cầm cố đất giữa ông H3 với ông K1 cũng bị vô hiệu. Mặt khác, việc thỏa thuận này không phù hợp theo quy định của pháp luật tại các Điều 166 và 167 của Luật đất đai. Vì văn bản thỏa thuận (giấy cố đất) giữa các bên không được cơ quan có thẩm quyền nào xác nhận, việc giao dịch cầm cố đất này không được pháp luật thừa nhận, nên bị vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm xác lập, hai bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo Điều 131 của Bộ luật Dân sự. Từ đó, việc ông K1 yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng cầm cố đất có tiêu đề “giấy cố đất” đề ngày 10/5/2018 giữa ông K1 với ông H3 và yêu cầu ông H3 và bà T cùng có nghĩa vụ trả số tiền 200.000.000 đồng cho ông K1 và bà M1 là phù hợp theo quy định tại Điều 407 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Hiện tại, ông K1 và bà M1 đang quản lý phần đất trên nên ghi nhận sự tự nguyện của ông K1 và bà M1 giao trả phần đất trên cho ông D và bà H1 khi Ngân hàng có yêu cầu Thi hành án. Buộc ông K1 và bà M1 có nghĩa vụ giao trả phần đất thuộc một phần thửa số 715 tờ bản đồ số 02 có diện tích 8.978,2m² phần đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cho ông D và bà H1 phần đất có tứ cạnh cụ thể như sau:

+ H: Giáp với Kênh E có cạnh dài 27m + 39,2m.

+ Hướng T2: Giáp với đường Q có cạnh dài 66m.

+ Hướng Nam: Giáp phần đất của ông Nguyễn Hồng C2 và phần đất còn lại của ông D chuyển nhượng cho bà Lê Hồng C và phần đất của bà Trần Ngọc H4 có cạnh dài 15,4m + 46,12m + 74m

+ Hướng Bắc: Giáp phần đất của Phạm Văn B có cạnh dài 135,9m.

[11] Xét yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Lê Hồng C đối với ông Nguyễn Ngọc D và bà Dương Lệ H1. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 25/10/2013 (âm lịch), giữa bà C với vợ chồng ông D và bà H1 có làm giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nhau trên thực tế, phần đất có diện tích 01 công 03 tầm cây với số tiền là 55.000.000 đồng. Bà C đã giao cho vợ chồng ông D và bà H1 được số tiền là 40.0000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận số tiền 15.000.000 đồng còn lại khi nào làm giấy tờ đất với nhau xong thì bà sẽ giao đủ số tiền trên cho ông D và bà H1. Giấy tờ chuyển nhượng phần đất trên được UBND xã V, huyện P xác nhận và vợ chồng ông D và bà H1 đã giao phần đất trên bà quản lý, sử dụng và canh tác trên phần đất này từ đó cho đến nay. Phần đất thuộc một phần thửa số 715 tờ bản đồ số 02 có diện tích 1.512,4m² tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất qua đo đạc thực tế có tứ cạnh cụ thể như sau:

+ H: Giáp phần đất của bà Trần Ngọc K2 có cạnh dài 33,4m.

+ Hướng Tây: Giáp phần đất của ông Nguyễn Hồng C2 có cạnh dài 34,4m.

+ Hướng Nam: Giáp phần đất của ông Bùi Văn H5 có cạnh dài 18,1m + 25,3m.

+ Hướng Bắc: Giáp phần đất còn lại của ông **D** cổ cho ông **H3** (nay ông **K1** và bà **M1** đang sử dụng) có cạnh dài 46,12m.

[12] Xét về hình thức của hợp đồng: Theo quy định pháp luật hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được lập thành hợp đồng theo mẫu quy định và phải được công chứng, chứng thực, nhưng bà **C** với ông **D** và bà **H1** chỉ xác lập giấy tay với nhau là chưa tuân thủ về mặt hình thức của hợp đồng. Mặt khác, tại thời điểm chuyển nhượng phần diện tích đất trên cho bà **C** vào ngày 25/10/2013 (âm lịch) thì vào ngày 12/8/2013 ông **D** và bà **H1** đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 40.13.003/2013-HĐTC/NHCT862 để đảm bảo cho khoản nợ vay của ông bà đối với Ngân hàng. Việc Ngân hàng với ông **D** và bà **H1** ký kết hợp đồng thế chấp được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Cho nên, việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà **C** với ông **D** và bà **H1** là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà **C** với ông **D** và bà **H1**, mà có cơ sở tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại giấy viết tay có tiêu đề “Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đề ngày 25/10/2013 giữa bà **C** với ông **D** và bà **H1** bị vô hiệu.

[13] Đối với hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tuy nhiên, trong vụ án này bà **C** không yêu cầu Tòa án xem xét đến hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông **D** và bà **H1** nên căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này bà **C** xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì bà **C** có quyền yêu cầu khởi kiện đối với ông **D** và bà **H1** thành một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[14] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **C** đối với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông **D** và bà **H1**. Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại giấy viết tay có tiêu đề “Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đề ngày 25/10/2013 giữa bà **C** với ông **D** và bà **H1** vô hiệu đối với phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 1.512,4m² thuộc một phần thửa đất số 715, tờ bản đồ 02, địa chỉ thửa đất tọa lạc tại **ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu**. Phần đất trên hiện nay do vợ chồng ông **K** và bà **C** đang quản lý, sử dụng nên cần phải buộc ông **K** và bà **C** có nghĩa vụ giao phần diện tích đất trên lại cho ông **D** và bà **H1**.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông **D** và bà **H1** phải nộp số tiền 12.630.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) do yêu cầu của Ngân hàng đối với ông **D** và bà **H1** được chấp nhận. **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C3** không phải chịu án phí, hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 5.600.000 đồng theo biên lai thu

số 0005680 ngày 09/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc ông **D** và bà **H1** chịu số tiền 300.000 đồng do yêu cầu vô hiệu hợp đồng cầm cố giữa ông **H3** với ông **D** và bà **H1** được chấp nhận; Buộc ông **H3** và bà **T** phải chịu số tiền 300.000 đồng do yêu cầu vô hiệu hợp đồng cầm cố giữa ông **K1** với ông **H3** được chấp nhận và buộc bà **C** phải chịu số tiền 300.000 đồng do yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông **D** và bà **H1** không được chấp nhận. Nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012805 ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[17] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.993.260 đồng ông **D** và bà **H1** phải chịu. Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Ngân hàng đã dự nộp chi phí thẩm định tại chỗ số tiền 3.993.260 đồng đã được chuyển thu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc ông **D** và bà **H1** nộp số tiền 3.993.260 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng.

[18] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đưa bà **Lương Thanh T1** và ông **Nguyễn Hồng C1** vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đề nghị không đưa ông **Nguyễn Hồng C1** và bà **Lương Thanh T1** vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nữa do ông **C1** và bà **T1** đã có lời khai thể hiện ông **C1** và bà **T1** không còn liên quan gì đến phần đất thế chấp, do đó đại diện Viện kiểm sát chỉ đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa theo yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ số: 05/YC-VKS-DS ngày 21/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long.

Đối với đề nghị đưa hàng thừa kế của bà **Lâm Thị Y** vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ số: 05/YC-VKS-DS ngày 21/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử thấy rằng theo Công văn số: 466/UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện **P** xác định: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 038233 được UBND huyện **P** ký ngày 31/7/2009 cấp cho hộ ông **D** và bà **H1**, trong đó có bà **Lâm Thị Y** là thành viên trong hộ. Tuy nhiên, theo giấy trích lục khai tử số: 34/TLKT-BS ngày 19/01/2024 của UBND xã **V** cung cấp bà **Lâm Kim Y1** chết ngày 19/3/2006. Như vậy, bà **Y1** đã chết trước thời điểm Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của ông **D** và bà **H1** nên bà **Y1** không có quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất mà Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 038233 cho hộ ông **D** và bà **H1** được ký vào ngày 31/7/2009. Do đó, bà **Y1** không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án này nên không có căn cứ để đưa hàng thừa kế của bà **Lâm Thị Y** vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của Kiểm sát viên mà

căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 131, 295, 297, 298, 317, 318, 319, 401, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 166 và 167 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C3 đối với ông Nguyễn Ngọc D và bà Dương Lệ H1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2/. Buộc ông Nguyễn Ngọc D và bà Dương Lệ H1 cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C3 tổng số tiền là 252.603.824 đồng. Trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 102.087.500 đồng và lãi quá hạn là 50.516.324 đồng (Tạm tính đến ngày 22/9/2023), ông D và bà H1 còn phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt nợ.

3/. Trong trường hợp ông Nguyễn Ngọc D và bà Dương Lệ H1 không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C3 được quyền yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền bán phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 40.13.003/2013-HĐTC/NHCT862 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Cụ thể là diện tích đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 038233 có diện tích 10.490,6m². Phần đất trên thuộc thửa 715 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do UBND huyện P cấp ngày 31/7/2009 cho hộ ông Nguyễn Ngọc D và bà Dương Lệ H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4/. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng cầm cố đất có tiêu đề “giấy cố đất ruộng” đề ngày 18/02/2013 giữa ông H3 với ông D và bà H1. Buộc ông Nguyễn Ngọc D và bà Dương Lệ H1 cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Phan Thị T số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

5/. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng cầm cố đất có tiêu đề “giấy cố đất” đề ngày 10/5/2018 giữa ông K1 với ông H3. Buộc ông Nguyễn Văn H3 và bà Phan Thị T cùng có

nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn K1 và bà Lương Ngọc M1 số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Buộc ông Nguyễn Văn K1 và bà Lương Ngọc M1 có nghĩa vụ giao trả phần đất thuộc một phần thửa số 715 tờ bản đồ số 02 có diện tích 8.978,2m² phần đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cho ông D và bà H1 phần đất có tứ cạnh cụ thể như sau:

+ H: Giáp với Kênh E có cạnh dài 27m + 39,2m.

+ Hướng T2: Giáp với đường Q có cạnh dài 66m.

+ Hướng Nam: Giáp phần đất của ông Nguyễn Hồng C2 và phần đất còn lại của ông D chuyển nhượng cho bà Lê Hồng C và phần đất của bà Trần Ngọc H4 có cạnh dài 15,4m + 46,12m + 74m

+ Hướng Bắc: Giáp phần đất của Phạm Văn B có cạnh dài 135,9m.

6/. Không chấp nhận yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà C đối với ông D và bà H1. Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại giấy viết tay có tiêu đề “Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đề ngày 25/10/2013 giữa bà Lê Hồng C với ông Nguyễn Ngọc D và bà Dương Lệ H1 vô hiệu. Buộc ông Phan Văn K và bà Lê Hồng C có nghĩa vụ giao trả phần đất thuộc một phần thửa số 715 tờ bản đồ số 02 có diện tích 1.512,4m², phần đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cho ông D và bà H1. Phần đất qua đo đạc thực tế có tứ cạnh cụ thể như sau:

+ H: Giáp phần đất của bà Trần Ngọc K2 có cạnh dài 33,4m.

+ Hướng Tây: Giáp phần đất của ông Nguyễn Hồng C2 có cạnh dài 34,4m.

+ Hướng Nam: Giáp phần đất của ông Bùi Văn H5 có cạnh dài 18,1m + 25,3m.

+ Hướng Bắc: Giáp phần đất còn lại của ông D có cho ông H3 (nay ông K1 và bà M1 đang sử dụng) có cạnh dài 46,12m.

7/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1/. Buộc ông Nguyễn Ngọc D và bà Dương Lệ H1 phải nộp số tiền 12.930.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần C3 không phải chịu án phí, hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 5.600.000 đồng theo biên lai thu số 0005680 ngày 09/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

7.2/. Buộc ông Nguyễn Văn H3 và bà Phan Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

7.3/. Buộc bà Lê Hồng C phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012805 ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

8/. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.993.260 đồng ông **D** và bà **H1** phải chịu. Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Ngân hàng đã dự nộp chi phí thẩm định tại chỗ số tiền 3.993.260 đồng đã được chuyển thu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc ông **D** và bà **H1** nộp số tiền 3.993.260 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng.

9/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

10/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An